

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2020/NQ-HĐND

Quảng Nam, ngày 15 tháng 7 năm 2020

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung, mức chi công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ
hỗ trợ nạn nhân theo Luật Phòng, chống mua bán người
trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 16

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống mua bán người ngày 29 tháng 3 năm 2011;

*Căn cứ Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân,
nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định
số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 3754/TTr-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về đề nghị quy định nội dung, mức chi cho công tác hỗ trợ nạn
nhân và nội dung, mức chi chế độ hỗ trợ nạn nhân quy định tại Nghị định số
09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh
Quảng Nam; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của
Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của các đại
biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung, mức chi công tác hỗ trợ nạn nhân và chế độ hỗ trợ nạn
nhân theo Luật Phòng, chống mua bán người trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

a) Nạn nhân là công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú ở Việt Nam, người nước ngoài bị mua bán tại Việt Nam.

b) Người trong thời gian chờ xác minh là nạn nhân theo quy định tại Điều 24, Điều 25 Luật Phòng, chống mua bán người.

c) Người chưa thành niên đi cùng nạn nhân.

d) Các cơ quan, đơn vị, tổ chức (công lập và ngoài công lập), cá nhân sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện công tác hỗ trợ nạn nhân và chi các chế độ hỗ trợ nạn nhân.

Điều 3. Nội dung và mức chi công tác hỗ trợ nạn nhân

1. Chi công tác phí cho cán bộ phục vụ hoạt động xác minh, tiếp nhận, giải cứu, bảo vệ, vận chuyển nạn nhân, kiểm tra công tác hỗ trợ nạn nhân:

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

2. Tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn nghiệp vụ:

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 20/2017/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh và Nghị quyết số 52/2018/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

3. Chi hợp tác quốc tế trong việc tiếp nhận, xác minh nạn nhân:

Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 102/2012/TT-BTC ngày 21/6/2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức Nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí và Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chế độ chi tổ chức đàm phán và chế độ tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

4. Chi hỗ trợ người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trực tiếp tham gia quản lý, bảo vệ nạn nhân: 200.000 đồng/người/ngày.

Điều 4. Nội dung và mức chi chế độ hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân

1. Hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại

a) Hỗ trợ tiền ăn trong thời gian nạn nhân tạm trú tại cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân (gọi chung là cơ sở): 40.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ tối đa 03 tháng từ ngân sách nhà nước.

b) Trong thời gian lưu trú tại cơ sở được hỗ trợ quần áo, vật dụng sinh hoạt cá nhân cần thiết theo quy định tại Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ, tối đa 500.000 đồng/người.

c) Hỗ trợ vệ sinh cá nhân các đối tượng là nữ trong độ tuổi sinh đẻ: 40.000 đồng/người/tháng, thời gian hỗ trợ tối đa 03 tháng.

d) Hỗ trợ tiền ăn trong những ngày đi đường cho nạn nhân có nguyện vọng trở về nơi cư trú nhưng không có khả năng chi trả: 100.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ tối đa 03 ngày.

2. Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu

a) Hỗ trợ học văn hóa:

Được miễn, giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo quy định tại Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021 và Nghị quyết số 13/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

b) Hỗ trợ học nghề:

Được hỗ trợ một lần chi phí đào tạo nghề trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 12/2016/NQ-HĐND ngày 19 tháng 7 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định cơ chế hỗ trợ đào tạo lao động cho chương trình, dự án trọng điểm và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2016-2020. Từ năm 2021 trở đi, hỗ trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí hỗ trợ đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo dưới 03 tháng.

c) Hỗ trợ một lần tiền trợ cấp khó khăn ban đầu đối với nạn nhân thuộc hộ nghèo (áp dụng đối với hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập): 1.500.000 đồng/người.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Ngân sách tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ:

a) Chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân do các cơ quan, đơn vị, các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân công lập thuộc cấp tỉnh thực hiện.

b) Chi hỗ trợ cho các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân ngoài công lập trên địa bàn tỉnh để thực hiện hỗ trợ nhu cầu thiết yếu và chi phí đi lại, hỗ trợ y tế, hỗ trợ tâm lý cho nạn nhân theo quy định tại Điều 19, Điều 20 và Điều 21 Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ và mức chi quy định tại Nghị quyết này trên số nạn nhân được cơ sở trợ giúp.

2. Ngân sách cấp huyện bố trí kinh phí chi cho công tác hỗ trợ nạn nhân, chế độ hỗ trợ nạn nhân do các cơ quan, đơn vị, các cơ sở bảo trợ xã hội, cơ sở hỗ trợ nạn nhân công lập thuộc cấp huyện thực hiện.

3. Nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước và các nguồn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Những nội dung khác liên quan không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 84/2019/TT-BTC ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Khi các văn bản dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020./.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 15 tháng 7 năm 2020./.

Nơi nhận:¹

- UBND tỉnh;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Bộ Tài chính;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, các phòng;
- Lưu: VT, TH (Minh).

CHỦ TỊCH



Phan Việt Cường

¹ Gửi qua trực văn bản liên thông.